**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN CN**
**TỈNH CM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23 – 5 - 2018
*"V/v tranh chấp ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CN, TỈNH CM**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn A Đam

*Các vị Hội thẩm nhân dân:*
Ông: Nguyễn Văn Mầm
Ông: Nguyễn Văn Hành

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lương Văn Khải là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CN, tỉnh CM.

Ngày 23 tháng 5 năm 2018 tại Toà án nhân dân huyện CN, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018 về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị C– sinh năm 1974 (Có mặt).
Địa chỉ cư trú: ấp Tân H, xã Thạnh P, huyện CN, tỉnh CM.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L – sinh năm 1970 (Vắng mặt).
Địa chỉ cư trú: ấp Tân H, xã Thạnh P, huyện CN, tỉnh CM.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Về hôn nhân:* Chị C và anh L kết hôn với nhau vào năm 1993, không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn chị C và anh L chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị C và anh L bất đồng với nhau về quan điểm, vợ chồng thường hay cự cải nhau. Hiện nay chị C và anh L vẫn còn sống chung nhà. Tại phiên tòa chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn L. Anh Nguyễn Văn L đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị C.

*Về con chung:* Chị C và anh L có với nhau 04 người con chung tên là Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1994, Nguyễn Thị M, sinh ngày 22 tháng 8 năm 1997, Nguyễn Thị Ngh, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2000 và Nguyễn Thị Th, sinh ngày 10 tháng 4

năm 2002, hiện nay Nguyễn Thị Nh và Nguyễn Thị M đã có gia đình riêng, còn Nguyễn Thị Ngh và Nguyễn Thị Th đang sống chung với chị C và anh L. Sau khi ly hôn chị C yêu cầu tiếp tục nuôi Nguyễn Thị Ngh và Nguyễn Thị Th do Nguyễn Thị Ngh bị bệnh bẩm sinh, chị C không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Anh L đồng ý giao Nguyễn Thị Ngh và Nguyễn Thị Th cho chị C Nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung*: Chị C và anh L thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung*: Chị C và anh L thống nhất trong thời gian chung sống anh chị không có nợ ai, cũng không ai nợ chồng anh chị, anh chị không yêu cầu cầu Tòa án giải quyết.

## TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

[1] Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn L là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh L có địa chỉ tại ấp Tân H, xã Thạnh Ph, huyện CN, tỉnh CM. Do đó, Tòa án nhân dân huyện CN thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp của vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy:

*Về hôn nhân*: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn L thấy rằng: Anh, chị kết hôn vào năm 1993, không có đăng ký kết hôn. Do đó, hôn nhân của chị C và anh L không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì không công nhận chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn L là vợ chồng.

*Về con chung*: Hội đồng xét xử xét thấy đến ngày xét xử sơ thẩm Nguyễn Thị Nh và Nguyễn Thị M đã trưởng thành, có gia đình riêng, chị C và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Đối với Nguyễn Thị Ngh và Nguyễn Thị Th đến ngày xét xử sơ thẩm đã trên 07 tuổi, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, sau khi vợ chồng ly hôn Toà án xem xét nguyện vọng của các con mà giao cho người vợ hay người chồng trực tiếp nuôi. Tại biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện CN đối với Nguyễn Thị Th, cháu Th trình bày nguyện vọng sau khi chị C và anh L ly hôn cháu muốn được sống với mẹ là chị C, đây là ý chí tự nguyện của cháu Th nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

*Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn L thống nhất tự thỏa thuận, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

*Về nợ chung*: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn L thống nhất xác định trong thời gian chung sống anh chị không có nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng anh chị, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nếu sau này giữa các bên đương sự có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Kết phải chịu 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 14, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử***:

*Về hôn nhân*: Không công nhận chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn L là vợ chồng.

*Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Thị Ngh, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2000 và Nguyễn Thị Th, sinh ngày 10 tháng 4 năm 2002 cho chị Nguyễn Thị C tiếp tục nuôi, anh Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

*Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị C có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004168 ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CN, sau khi đối trừ chị Nguyễn Thị C nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn L không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận***:
- VKSND huyện CN;
- Chi cục THADS huyện CN;
- Phòng GĐ-KT TAT;
- Đương sự;
- Lưu VP-HS.

**Nguyễn A Đam**